

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH HẢI
TỈNH NINH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 09/11/2020

V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH HẢI - TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Minh Phần và bà Trần Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Đức - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Khánh Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 98/2020/TLST-HNGĐ ngày 11/6/2020 về việc tranh chấp "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Chị Nguyễn Thị Hồ N** – sinh năm: 1992. Có mặt

- *Bị đơn:* **Anh Lê Văn T** – sinh năm: 1988. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Thôn HD, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồ N trình bày:** Chị và anh Lê Văn T tiến đến hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 20/11/2015 tại Ủy ban nhân dân xã H. Vợ chồng có 01 người con chung là cháu Lê Nguyễn Thanh Tr – sinh ngày 02/5/2016. Khi quen nhau chị không biết anh T có chơi cờ bạc, khi về chung sống khoảng 02 tháng sau khi cưới chị mới biết. Sau khoảng 01 năm thì chị phát hiện ra chồng thường xuyên cờ bạc và nợ nần nhiều nơi. Lúc đầu chị cố gắng khuyên bảo và cùng trả nợ giúp chồng nhưng anh T không thay đổi. Anh T còn mượn cả tiền của ba mẹ chồng ở Khánh Hòa và cả Công ty nơi anh làm việc cùng nhiều Ngân hàng khác nhau để đánh bạc.

Hai vợ chồng đã không còn sống chung hơn 01 năm nay. Chị không còn tình cảm với chồng nên chị yêu cầu được ly hôn. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng vì chị đủ khả năng lo cho con.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

* Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Lê Văn Thịnh không có mặt để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- *Về tố tụng*: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*:

Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồ N là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Căn cứ kết quả xét hỏi công khai và nghe ý kiến phát biểu của nguyên đơn tại phiên tòa.

Sau khi Hội đồng xét xử nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Hồ N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn T, yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Bị đơn có địa chỉ tại huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

Tổng đạt văn bản tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là anh Lê Văn T. Về tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đương sự không có ý kiến gì. Ngày 23/10/2020, Tòa án mở phiên tòa nhưng anh Lê Văn T vắng mặt lần thứ nhất nên Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa là ngày 09/11/2020. Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù anh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng

mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Hồ N và Lê Văn T là tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 20/11/2015 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa chị N trình bày: Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, do anh T ham mê cờ bạc nợ nần nhiều năm nay, chị đã cho nhiều cơ hội nhưng anh T không thay đổi được. Từ hơn 01 năm nay vợ chồng không sống chung, không quan tâm, chăm sóc nhau. Từ khi anh T bỏ đi cũng không gửi tiền nuôi con và cũng không liên lạc hỏi thăm con.

Biên bản xác minh tại Ban quản lý thôn nơi chị N, anh T cư trú xác nhận: Vợ chồng chị N, anh T kết hôn là tự nguyện. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không thể chung sống được với nhau nguyên nhân do anh T ham mê cờ bạc, cá độ đá banh. Hiện nay cả hai không chung sống với nhau gần 01 năm nay, con chung do chị N nuôi dưỡng được ăn học đầy đủ.(BL 32).

Xét thấy: Hôn nhân của chị N và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N là có căn cứ.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Hồ N yêu cầu được nuôi con chung là cháu Lê Nguyễn Thanh Tr – sinh ngày: 02/5/2016. Xét thấy: Cháu Tr là con gái và sống với mẹ và được mẹ chăm sóc tốt. Chị N hiện có việc làm và thu nhập ổn định. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và sự phát triển bình thường cho cháu T, Hội đồng xét xử giao cháu cho chị N có quyền và nghĩa vụ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Ngân không yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Hồ N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Từ những phân tích, đánh giá chứng cứ như trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chấp nhận toàn bộ ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồ N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Các điều 28, 35, Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồ N đối với bị đơn anh Lê Văn T.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồ N được ly hôn với anh Lê Văn T
2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Hồ N có quyền và nghĩa vụ trực tiếp nuôi dưỡng 01 người con chung là cháu Lê Nguyễn Thanh Tr – sinh ngày 02/5/2016. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồ N phải chịu 300.000^d (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000^d (*Ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai số 0021435 ngày 02/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận. Nguyên đơn đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 09/11/2020); đối với bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ./.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đào Minh Phấn

Trần Thị Huệ

Ngô Thị Trang